

Bản án số: 386/2023/HS-PT
Ngày 21 tháng 6 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 112/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Ngọc D do có kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 615/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Phạm Ngọc D, sinh năm 1973, tại: Thái Bình; Nơi đăng ký HKTT: xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Số 26 phố D1, tổ 29, phường D1, quận C, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Lầu 08 nhà số 9, Block A, chung cư R, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty Xây dựng số 09; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn D2, sinh năm 1932 (chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1939; có vợ và 02 con: lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày: 28/02/2017 (Theo các Bút lục 40, 41, 44, 45, 49, 298-301) (bị cáo có mặt tại điểm cầu Trại tạm giam T30).

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn T1 – Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại điểm cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 40 phút, ngày 28/02/2017, Phạm Ngọc D đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) tại số 5 Công Trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1 yêu cầu đổi 100.000 USD sang tiền VND (gồm 1.000 tờ mệnh giá 100 USD). Trong quá trình kiểm đếm, Ngân hàng phát hiện số tiền USD trên là giả nên báo Công an phường Bến Nghé T2 hành bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Ngọc D cùng vật chứng. D khai số tiền USD giả trên là của Nguyễn Văn Tâm D3 đưa D nhờ đi đổi sang VND để hưởng hoa hồng. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 1 tiến hành bắt khẩn cấp Nguyễn Văn Tâm D3, về hành vi “Lưu hành tiền giả”.

Tại Kết luận giám định số 1179/KLGD-TT ngày 11/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 1.000 tờ USD, đối tượng giám định so với mẫu so sánh (02 tờ USD mệnh giá 100 USD phát hành 1950, 02 tờ USD mệnh giá 1 USD) là không phải do cùng một bộ chế bản in ra, đồng thời phát hiện dấu vết tẩy xóa cơ học trên 1.000 tờ USD mệnh giá 100 USD tại vị trí số “100”, xác định nội dung nguyên thủy là “1”; tại vị trí “one hundred dollars” xác định nội dung nguyên thủy là “one dollar”.

Theo Công văn số 52/HCM-QLNHV ngày 08/01/2018 của Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh xác định tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với Đô la Mỹ áp dụng cho ngày 28/02/2017 là 1 USD = 22.232 VND.

Quá trình điều tra xác định, vào ngày 27/01/2017, Nguyễn Văn Tâm D 3 đến gặp bà Phạm Kim T2 tại Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh ký kết hợp đồng vay và cầm cố 1.000 tờ USD mệnh giá 100 USD cho T2 để vay 01 tỷ đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 8%. T2 đã giao cho D3 920 triệu đồng (do trừ 80 triệu đồng tiền lãi) và nhận 1.000 tờ mệnh giá 100 USD từ D3. Quá trình cất giữ số USD trên, T2 nhận thấy có dấu hiệu bị làm giả về mệnh giá từ tờ 1 USD lên 100 USD nên điện thoại nhờ Hoàng Thị L đến kiểm tra giúp. Khoảng cuối tháng 02/2017, L đến phòng làm việc của T2 thì gặp Nguyễn Văn Tâm D3, tại đây T2 đem 1.000 tờ USD để ra bàn làm việc của mình và nhờ L kiểm tra giúp. Sau khi kiểm tra, L biết là tiền bị làm giả mệnh giá từ tờ 1 USD nhưng L vẫn nói với T2 là muốn biết tiền thật giả thế nào phải có giấy xác nhận của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an và dùng điện thoại của mình ghi lại hình ảnh số USD này, nhưng vì đây là tiền của D3 thế chấp nên T2 không đem đi giám định. Sau khi kiểm tra xong, L, T2 và D3 đi uống nước tại sảnh cà phê khách sạn Kim Đô trên đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1 thì gặp Phạm Ngọc D. Tại đây, L cho D xem video clip và giới thiệu với D về số USD trên là của D3 hiện đang thế chấp cho T2 để vay 01 tỷ đồng, L và D3 có nói đây là tiền USD phát hành năm 1950 đã cũ, tiền có số “0” nhỏ hơn tiền thật không tiêu xài được, sau đó L và T2 đi về trước còn D3 và D ở lại tiếp tục nói chuyện. Lúc này, Nguyễn Văn Tâm D3 nhờ Phạm Ngọc D đi đến ngân

hàng đổi số USD trên sang tiền VND nếu được D3 sẽ chi 1% hoa hồng, D đồng ý.

Ngày 27/02/2017, Phạm Ngọc D đem 02 tờ 100 USD mà Nguyễn Văn Tâm D3 đưa (trong số 10 tờ 100 USD D3 đã mượn lại của Phạm Kim T2 trước đó) đến Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục đổi qua VND. Lúc này nhân viên ngân hàng chấp nhận đổi theo yêu cầu của D nhưng D lấy lại số USD và hẹn ngày hôm sau sẽ đem nhiều USD đến ngân hàng đổi luôn một lần. Đồng thời D điện thoại hẹn D3 ngày hôm sau đưa USD cho D đem đổi. Sáng ngày 28/02/2017, D3 đến gặp Phạm Kim T2 nói đổi mượn lại 1.000 tờ USD đi thế chấp vay tiền của anh, chị D3 về trả nợ vay cho T2 nhưng thật ra D3 mượn lại tiền USD để đưa cho D đem đến ngân hàng đổi sang tiền VND, T2 không nghi ngờ gì và đồng ý. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, D3 gặp D tại quầy bar khách sạn Riverside, số 8-15 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, tại đây, D3 đưa D tổng cộng 1.000 tờ USD giả mệnh giá 100 USD để D đem đến Vietcombank đổi sang tiền VND thì bị phát hiện bắt giữ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Tâm D3 không thừa nhận số USD giả mệnh giá trên là của mình, D3 khai số USD giả trên là của ông Phan Văn H đưa cho D3 đem thế chấp cho Phạm Kim T2 vay 01 tỷ đồng, D3 chỉ hưởng lợi tiền lãi là 20 triệu đồng. D3 thừa nhận có nghe T2, L nói là tiền bị giả mệnh giá (lên đời từ tờ 1 USD), D3 đã tự L hệ nhờ Phạm Ngọc D tìm cách đổi sang tiền VND. D3 đã trực tiếp gặp D 04 lần để L hệ đổi tiền. Tuy nhiên, qua lấy lời khai Phan Văn H, Phạm Kim T2 và Hoàng Thị L, trong đó, H không thừa nhận đã giao số USD giả trên cho D3, không quen biết và không vay tiền gì của T2, H cũng chưa từng đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh, T2 cũng không biết và không cho H vay tiền, việc D3 nhờ D đem tiền USD giả đi đổi thì L và T2 cũng không biết. Do đó, có căn cứ xác định số USD giả trên là của Nguyễn Văn Tâm D3.

Phạm Ngọc D khai không biết số USD trên là giả, vì D chỉ nghe Nguyễn Văn Tâm D3 nói về số tiền USD phát hành 1950 đã cũ phải nhờ người quen ở ngân hàng mới đổi được, bản thân D cũng nhận ra nhiều điểm về màu sắc, hình ảnh trên tờ 100 USD phát hành 1950 của D3 khác biệt so với những tờ 100 USD phát hành 1999 mà D từng thấy, nhưng do có quen biết với Trần Thị Hoàng C1 (nhân viên Ngân hàng VCB) nên D đồng ý nhận đổi tiền cho D3 và thỏa thuận hưởng hoa hồng là 1%. D chỉ gặp D3 02 lần tại khách sạn Kim Đô và Riverside. Trong đó, vào ngày 27/02/2017, D đã nhận 02 tờ USD mệnh giá 100 USD phát hành 1950 từ D3 mang đến Vietcombank gặp Cơ để L hệ đổi ngoại tệ và được Cơ giới thiệu gặp Đoàn Trung H1 (cán bộ phòng ngân quỹ) nhưng sau đó D không thực hiện mà hẹn ngày hôm sau sẽ đem tiền USD nhiều hơn để đổi. Đến ngày 28/02/2017, D nhận 1.000 tờ USD mệnh giá 100 USD giả từ D3 đem đến Vietcombank đổi tiền VND thì bị bắt quả tang cùng vật chứng.

Ngày 05/9/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm đối với vụ án và tuyên phạt Nguyễn Văn Tâm D3 12

năm tù, Phạm Ngọc D 11 năm tù, về tội “Lưu hành tiền giả” (theo Bản án số 328/2019/HS-ST ngày 05/9/2019), D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/9/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận một phần kháng cáo, tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 328/2019/HS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, xét xử lại. Với nhận định: “Tại biên bản đối chất giữa Nguyễn Văn Tâm D3 với bà Phạm Kim T2, bị cáo D3 xác định sau khi vay 01 tỷ đồng và cầm cố 1.000 tờ USD thì bà T2 mới gọi điện thông báo số USD là tiền giả, lúc đó D3 mới biết. Do đó cần làm rõ ý chí D3 khi cầm cố cho bà T2 có biết tiền giả không, nếu D3 biết tiền giả nhưng vẫn cầm cố cho bà T2 để lấy 01 tỷ đồng có dấu hiệu tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành làm việc, ghi lời khai bà Phạm Kim T2, bà T2 khẳng định hoàn toàn tin tưởng D3 khi đồng ý cho D3 sử dụng 1.000 tờ USD để thế chấp khi vay tiền, T2 tin rằng D3 không lừa dối mình để chiếm đoạt số tiền vay, đồng thời T2 không có ý kiến về việc yêu cầu D3 có trách nhiệm hoàn lại số tiền 920.000.000 đồng đã nhận thông qua hợp đồng vay.

Ngoài ra, ngày 12/07/2021, Nguyễn Văn Tâm D3 đã chết vì nhiễm Sars-CoV-2 tại cơ sở giam giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định đình chỉ các hoạt động tố tụng liên quan đối với Nguyễn Văn Tâm D3 theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 615/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D 11 (mười một) năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2017.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/01/2023 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc D ghi ngày 04/01/2023 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, vì bố mẹ bị cáo có công Cách mạng, bị cáo cò thời gian công tác quân đội từ năm 1992, đến năm 1995 xuất ngũ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Qua thẩm vấn công khai, tài liệu có trong hồ sơ, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Lưu hành tiền giả” là có căn cứ. Cấp sơ thẩm

xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không có tình tiết gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc D trình bày: Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm. Án sơ thẩm đã xử bị cáo 11 năm tù. Về tội danh luật sư không tranh luận. Về hình phạt quá nghiêm khắc. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo cho bị cáo. Có một bị cáo đã chết. Cơ quan điều tra đã đình chỉ. Bị cáo đồng phạm giúp sức cho bị cáo khác. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Ngọc D trình bày: Thống nhất ý kiến của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát không tranh luận gì thêm.

Bị cáo Phạm Ngọc D nói lời nói sau cùng: Bị cáo có mẹ già, con nhỏ, bị cáo bị giam giữ quá lâu. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Ngọc D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu.

Vì mục đích vụ lợi, vào lúc 13 giờ 40 phút, ngày 28/02/2017, Nguyễn Văn Tâm D3 và Phạm Ngọc D đã cùng nhau sử dụng 1.000 tờ tiền USD có mệnh giá 1 USD đã được sửa chữa thành mệnh giá 100 USD (có trị giá quy đổi là 2.223.200.000 đồng) đem đến Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để đổi sang tiền VND thì bị phát hiện bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra đã xác định: Phạm Ngọc D đã được nghe D3 thông tin về việc số tiền 100.000 USD phát hành từ năm 1950, rất khó đổi, không sử dụng được, phải có mối quan hệ thân quen với Ngân hàng mới có khả năng đổi được; bản thân D cũng đã nhận ra nhiều điểm như màu sắc, hình ảnh... trên các tờ USD do D3 nhờ đổi khác biệt so với các tờ mệnh giá 100 USD phát hành năm 1999 mà D đã từng thấy; D cũng đã được Hoàng Thị L cảnh báo về việc số "0" trên các tờ USD phát hành năm 1950 nhỏ hơn tiền thật và không tiêu xài được, nhưng D vẫn bỏ mặc, L hệ với D3 để tìm cách đổi USD tại Ngân hàng; Phạm Ngọc D thừa nhận được Phạm Kim T2, Hoàng Thị L nhờ L hệ với ngân hàng để kiểm tra thật giả số ngoại tệ 100.000 USD. Tuy nhiên, tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, D không thực hiện việc kiểm tra USD thật giả mà chỉ hỏi nhân viên ngân hàng có đổi được USD cũ (1950) sang VND không. Dù trong quá trình điều tra, D nhận thức rõ việc yêu cầu ngân hàng kiểm tra USD thật giả có thể thực hiện bởi bất kỳ người nào,

nhưng D đã không thực hiện. Trước khi đến ngân hàng, D đã nhắn tin với Trần Thị Hoàng C1 (nhân viên ngân hàng) trao đổi việc D có nhu cầu đổi ngoại tệ số lượng từ 500 nghìn đến 01 triệu USD năm 1950. Điều đó, thể hiện ý chí của D chỉ mong muốn đổi được USD thay vì liên hệ ngân hàng có chức năng kiểm tra để kiểm tra ngoại tệ thật hay giả trước khi tiến hành đổi. Trị giá quy đổi từ tiền giả USD sang tiền Việt Nam là 2.223.200.000 đồng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được, lời khai của người chứng kiến, bản kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc D và đề nghị của luật sư bào chữa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Ngọc D về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 3, khoản 4 Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội.

[3.2] Về hình phạt: Hành vi trên của bị cáo Phạm Ngọc D là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực quản lý tiền tệ của Nhà nước. Bị cáo đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì tham lam, háms lợi nên bất chấp hậu quả để thực hiện hành vi phạm tội, cần xử lý nghiêm để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thực sự ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng.

(Bút lục 299, 301) bị cáo có đi nghĩa vụ quân sự tại Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình từ năm 1992 - 1995, có xác nhận của Trưởng Công an xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Hơn nữa, trong vụ án có bị cáo D3 có vai trò chủ mưu nhưng đã chết. Bị cáo D giữ vai trò giúp sức trong vụ án.

[3.3] Bị cáo Phạm Ngọc D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị y án không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do được chấp nhận kháng cáo, bị cáo Phạm Ngọc D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc D. Sửa án sơ thẩm về hình phạt.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D 10 (mười) năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo việc thi hành án.

2. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 615/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Phạm Ngọc D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh (để tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương

